

Số: 82 /KH-UBND

Đắk Nông, ngày 02 tháng 02 năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 01/NQ-CP); Nghị quyết số 28-NQ/TU ngày 30/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII về nhiệm vụ năm 2024 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 28-NQ/TU); Kết luận số 614-KL/TU ngày 30/12/2023 của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 14, khóa XII và Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 46/NQ-HĐND); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 như sau:

I. BỐI CẢNH, MỤC TIÊU VÀ TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Bối cảnh

Năm 2024 là năm tăng tốc, bứt phá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Dự báo trong năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược các nước lớn ngày càng gay gắt hơn; tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu có xu hướng giảm; dịch bệnh, thiên tai và biến đổi khí hậu trở thành rủi ro thường trực, tác động ngày càng nặng nề. Tình hình kinh tế trong nước có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn; sức ép lạm phát còn lớn, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu dự báo còn nhiều khó khăn; các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản còn tiềm ẩn nhiều rủi ro.... Trong tình, dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế trong nội tại nền kinh tế với quy mô còn khiêm tốn, năng lực thích ứng, sức chống chịu còn hạn chế, cộng hưởng với những khó khăn mang tính đặc thù của địa phương; tình hình thiên tai, biến đổi khí hậu có khả năng tiếp tục diễn biến bất thường và tác động ngày càng nặng nề hơn.

2. Mục tiêu phấn đấu

2.1. Mục tiêu tổng quát:

Quyết tâm hoàn thành các mục tiêu đã được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh quyết nghị tại các Nghị quyết số 28-NQ/TU và Nghị quyết số 46/NQ-HĐND; góp phần hoàn thành mục tiêu chung của các nước đã được Chính phủ chỉ đạo tại Nghị quyết số 01/NQ-CP. Thực hiện có hiệu quả các chỉ đạo của Chính phủ về triển khai các nhiệm vụ theo kết luận của Lãnh đạo chủ chốt hàng tháng về triển khai Nghị quyết của Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6, khóa XV và Kết luận số 614-KL/TU ngày 30/12/2023 của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 14, khóa XII.

Phấn đấu đạt cao nhất các chỉ tiêu, xây dựng nền tảng vững chắc, tạo động lực thúc đẩy, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII. Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng kinh tế gắn với đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và năng lực nội tại nền kinh tế; huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, xây dựng một số doanh nghiệp lớn giữ vai trò dẫn dắt, đầu tàu nhằm tập trung phát triển 3 trụ cột của nền kinh tế⁽¹⁾. Tạo chuyển biến tích cực, hiệu quả trong thực hiện 3 đột phá chiến lược⁽²⁾. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách; xử lý hiệu quả các khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh cho người dân, doanh nghiệp. Quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thực hiện Kế hoạch đầu tư công, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, hoàn thành các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số, các ứng dụng số. Đẩy nhanh nghiên cứu ứng dụng, nhận chuyển giao thành tựu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục; chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Cùng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Tích cực, chủ động triển khai đồng bộ, toàn diện các hoạt động đối ngoại; Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế.

2.2. Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu năm 2024

(1) Tăng trưởng GRDP đạt 6,55%. GRDP bình quân đầu người đạt 68,85 triệu đồng.

¹ (1) Phát triển công nghiệp Alumin, luyện Nhôm và năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời), xây dựng Đắk Nông trở thành trung tâm công nghiệp Nhôm quốc gia. (2) Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bền vững theo chuỗi giá trị; phát triển kinh tế rừng, trồng và chế biến dược liệu; tăng sức cạnh tranh, nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm nông nghiệp chủ lực. (3) Phát triển du lịch trên nền tảng phát huy các lợi thế tự nhiên, các giá trị văn hóa - đặc trưng sinh thái bản địa, Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.

² (1) Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, trước hết là đẩy mạnh cải cách hành chính. (2) Xây dựng kết cấu hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng giao thông. (3) Phát triển nguồn nhân lực.

(2) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên 20.000 tỷ đồng.

(3) Thu ngân sách nhà nước 3.300 tỷ đồng.

(4) Kết cấu hạ tầng: Tỷ lệ nhựa hóa chung đạt 72%; tỷ lệ đô thị hóa đạt 29%; Tỷ lệ hộ được sử dụng điện 99,2%; tỷ lệ đảm bảo nước tưới cho diện tích cần tưới đạt 84%.

(5) Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm 18.300 lượt người; đào tạo nghề cho 4.000 người; 15,5% người lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội.

(6) Giảm nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2021-2025): Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 2%, riêng tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 4% trở lên.

(7) Y tế: Đạt 20,6 giường bệnh/vạn dân; đạt 8,7 bác sỹ/vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 93,75%.

(8) Giáo dục: Tăng thêm 10 trường đạt chuẩn quốc gia.

(9) Văn hóa: Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị đạt 63,5%.

(10) Môi trường: Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; trồng mới rừng 2.000 ha; tỷ lệ che phủ rừng đạt 39,5%.

(11) Nông thôn mới: Tăng thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân mỗi xã đạt 17 tiêu chí trở lên; Tăng thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

3. Trọng tâm và yêu cầu đối với công tác chỉ đạo, điều hành

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Chính phủ đã xác định phương châm hành động "**Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tăng tốc sáng tạo; hiệu quả bền vững**". Trong chỉ đạo, điều hành tại địa phương, UBND tỉnh Đắk Nông quán triệt thực hiện phương châm này; bám sát các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp phát triển chủ yếu, trọng tâm tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ, các chỉ đạo của Chính phủ về yêu cầu, nhiệm vụ triển khai Kết luận của Lãnh đạo chủ chốt hàng tháng và triển khai Nghị quyết của Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6, khóa XV; Kết luận số 614-KL/TU ngày 30/12/2023 của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 14, khóa XII; Nghị quyết số 28-NQ/TU của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 46/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và các chính sách, chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong quản lý và thực thi công vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; tránh tư tưởng trông chờ, ỷ lại và đùn đẩy trách nhiệm. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, chủ động triển khai thực hiện đến kết quả cuối cùng các nhiệm vụ được giao. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, thúc đẩy các ứng dụng số; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo; quyết liệt phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Phát huy sức mạnh và khơi dậy tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển của Nhân dân và toàn hệ thống chính trị trong tỉnh. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; trong đó, nội lực là cơ bản, quyết định, kết hợp với ngoại lực để tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Khẩn trương triển khai ngay dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2024; tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án trọng điểm đối với ngành, lĩnh vực và địa phương quản lý để đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, 03 chương trình mục tiêu quốc gia ngay từ những ngày đầu năm. Triệt để tiết kiệm trong sử dụng các khoản chi thường xuyên; tăng cường công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, phấn đấu tăng thu hơn nữa ngân sách nhà nước trên địa bàn, có giải pháp quản lý phù hợp nhằm khai thác hiệu quả các nguồn thu còn dư địa, tiềm năng.

Chủ động thực hiện tốt công tác truyền thông, thông tin trong thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ năm 2024; làm tốt công tác tuyên truyền, công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách; tình hình triển khai thực hiện các dự án lớn trên địa bàn tỉnh, tạo sự đồng thuận xã hội trong quá trình triển khai thực hiện.

Phát huy kết quả đã đạt được, vượt qua các khó khăn, thách thức, tận dụng mọi thời cơ; dưới sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các cấp, các ngành phấn đấu với quyết tâm cao nhất, triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Căn cứ 06 quan điểm chỉ đạo, 12 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đã được Chính phủ đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP; các chỉ đạo của Chính phủ về yêu cầu, nhiệm vụ triển khai Kết luận của Lãnh đạo chủ chốt hàng tháng và triển khai Nghị quyết của Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6, khóa XV; các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 28-NQ/TU của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 46/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và Kết luận số 614-KL/TU ngày 30/12/2023 của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 14, khóa XII; UBND tỉnh Đắk Nông xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong năm 2024 như sau:

1. Ưu tiên phát triển kinh tế - hạ tầng

1.1. Phát triển công nghiệp:

Tập trung phục hồi, phát triển mạnh các ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo để trở thành một động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Rà soát các khó khăn, vướng mắc của các dự án công nghiệp lớn có vai trò quan trọng, kịp thời tháo gỡ để dự án sớm đi vào hoạt động. Đẩy mạnh công nghiệp chế biến sâu khoáng sản, nhất là công nghiệp luyện nhôm, công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch nhằm nâng cao giá trị gia tăng các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh. Thực hiện tốt quy hoạch và tổ chức sản xuất phát triển vùng nguyên liệu tập trung gắn với công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Có cơ chế, chính sách và giải pháp hiệu quả thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn.

Khai thác và sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài nguyên năng lượng tái tạo; tích cực hỗ trợ các nhà đầu tư vào nghiên cứu, đầu tư các dự án năng lượng tái tạo và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án đang triển khai đầu tư để dự án sớm hoàn thành đi vào hoạt động. Kịp thời hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, cải tiến công nghệ, trang thiết bị để đổi mới mẫu mã, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, từ đó tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước.

1.2. Phát triển nông nghiệp và nông thôn:

Thực hiện quyết liệt kế hoạch cơ cấu lại ngành, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Tập trung chuyển đổi cây trồng không thích nghi, tăng cường áp dụng cơ giới hóa, khoa học công nghệ, nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành và thích ứng với biến đổi khí hậu; ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, sản phẩm tiềm năng và sản phẩm chủ lực của các địa phương, tạo vùng nguyên liệu tập trung gắn với chế biến và xuất khẩu. Bảo đảm vững chắc an ninh lương thực.

Phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại, duy trì chăn nuôi nông hộ theo hình thức hữu cơ truyền thống. Tiếp tục mở rộng chăn nuôi áp dụng quy trình VietGAP. Tăng cường thực hiện công tác phòng chống, kiểm soát dịch bệnh trên gia súc, gia cầm. Khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, an toàn dịch bệnh, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng.

Tập trung mọi nguồn lực để quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có và triển khai các giải pháp nâng cao tỷ lệ che phủ rừng. Phát triển mô hình nông lâm kết hợp; tiếp tục hoàn thiện và thực thi hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và thúc đẩy phát triển kinh tế rừng.

1.3. Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch:

Phát triển mạnh thị trường nội tỉnh và đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hóa thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh giao lưu hàng hóa để mở rộng thị trường, đặc biệt là các tỉnh thuộc khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam. Theo dõi sát tình hình thị trường, thực hiện các biện pháp bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, nhất là trong các dịp cao điểm Lễ, Tết, làm tiền đề triển khai các giải pháp kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy thương mại nội tỉnh. Triển khai hiệu quả các chương trình, đề án về phát triển thị trường trong nước; Chú trọng kiểm tra, kiểm soát thị trường có trọng tâm, hiệu lực, hiệu quả, nhất là các lĩnh vực, mặt hàng thiết yếu tác động lớn đến kinh tế - xã hội, sản xuất trong nước và quyền lợi người tiêu dùng.

Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực xúc tiến xuất khẩu xanh để đáp ứng yêu cầu, thích nghi với xu hướng mới của các thị trường nhập khẩu toàn cầu. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác xúc tiến thương mại. Tiếp tục tái cơ cấu các ngành vận tải; chú trọng phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics.

Nâng cấp hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng bán buôn, phát triển doanh nghiệp phân phối gắn lưu thông với sản xuất. Phát triển mạnh dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao trở thành các ngành kinh tế quan trọng. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên sự sáng tạo có kế thừa văn hóa, tinh hoa dân tộc, khoa học công nghệ và bản quyền sở hữu trí tuệ; khai thác tối đa yếu tố kinh tế của các giá trị văn hóa, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các ngành, các khâu sáng tạo, sản xuất, phân phối và tiêu dùng.

Tiếp tục đầu tư “làm mới” ngành Du lịch, xây dựng hình ảnh thương hiệu du lịch hấp dẫn, có điểm nhấn riêng. Thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường ứng dụng công nghệ trong du lịch, tạo ra các sản phẩm du lịch phù hợp với thị trường; khai thác hiệu quả các sản phẩm, dịch vụ du lịch có tiềm năng và lợi thế cạnh tranh như du lịch mang tính đặc trưng riêng có của tỉnh, đặc biệt là các sản phẩm du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.

1.4. Phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh; đẩy mạnh thu hút đầu tư:

Tiếp tục chỉ đạo sắp xếp, đổi mới, cổ phần hoá các công ty nông lâm nghiệp; từng bước xử lý các vấn đề tồn đọng kéo dài liên quan đến công nợ của các công ty nông lâm nghiệp giải thể, các tồn tại trong lĩnh vực lâm nghiệp, trong quản lý đất đai đối với diện tích các công ty nông lâm nghiệp giao về địa phương quản lý và các vấn đề có liên quan, phát huy hiệu quả nguồn vốn, nguồn lực về đất đai, rừng, tài nguyên và tài sản nhà nước đã đầu tư. Tiếp tục đổi mới,

nâng cao hiệu quả, hình thức hoạt động, gắn hoạt động với hiệu quả thực chất đối với các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã.

Xây dựng và thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân, khuyến khích áp dụng công nghệ cao và đổi mới sáng tạo. Chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân cần tạo ra cơ chế hợp tác giữa nhà nước và khu vực tư nhân hơn là chỉ đơn thuần cung cấp các ưu đãi tài chính; cần phải dựa vào cả các ưu đãi và các biện pháp hành chính để hướng khu vực tư nhân vào những lĩnh vực ưu tiên phát triển của địa phương.

Tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, tạo chuyển biến rõ nét; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt trong lĩnh vực thuế, đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, kho bạc nhà nước, bảo hiểm xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác điều hành, thực thi chính sách, cung ứng dịch vụ công. Cải cách thủ tục hành chính đầu tư, giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc và đẩy nhanh thời gian thực hiện quy trình đầu tư.

1.5. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển; triển khai Quy hoạch tỉnh:

Phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ và toàn diện, bước đầu ưu tiên hạ tầng giao thông để làm động lực, đi trước, tạo thúc đẩy phát triển toàn diện kinh tế - xã hội; phát triển hạ tầng số, hạ tầng thương mại điện tử, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, hạ tầng phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai,... Ưu tiên thu hút đầu tư hạ tầng đô thị, du lịch và dịch vụ, hạ tầng khu công nghiệp. Đầu tư mở rộng, nâng cấp, sửa chữa các tuyến tỉnh lộ và một số tuyến giao thông quan trọng. Tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương và vốn đầu tư của ngành điện để đầu tư phát triển lưới điện, trạm biến áp.

Tập trung phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và tỉnh Bình Phước để thúc đẩy, sớm triển khai thực hiện dự án Đường cao tốc phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước). Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư để triển khai ngay khi dự án đường cao tốc được Trung ương phê duyệt và bố trí tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng; bảo đảm diện tích khai thác bô xít, sản xuất alumin của Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV. Nghiên cứu việc xây dựng các khu tái định cư trên diện tích đã khai thác bô xít để bố trí cho người dân bị ảnh hưởng bởi dự án.

Thực hiện nghiêm quy định về đầu tư công, các nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên bố trí vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước. Tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các dự án từ nguồn hỗ trợ từ Chương

trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và các công trình lớn của tỉnh như: Quảng trường trung tâm thành phố Gia Nghĩa; nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh. Chủ động phối hợp, xử lý, tháo gỡ vướng mắc cho các dự án được kịp thời, hiệu quả, bảo đảm theo thẩm quyền, trong đó tập trung giải quyết đúng các điểm nghẽn, nút thắt và phải đi đến kết quả cuối cùng.

Tăng cường huy động các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển kinh tế. Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn cho phát triển kinh tế ở tất cả các ngành, lĩnh vực, các khâu trong quá trình đầu tư. Huy động nguồn lực toàn xã hội tham gia đầu tư. Chủ động định hướng, kêu gọi nguồn vốn FDI đầu tư vào các dự án lớn, có sức lan tỏa trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, chuyển giao công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, cả trong nước và nước ngoài, quảng bá tiềm năng, hình ảnh của Đắk Nông đến các nhà đầu tư trong và ngoài nước, trong đó chú trọng đến tiềm năng về phát triển ngành công nghiệp khai thác, chế biến bô xít, sản xuất alumin, điện phân nhôm, sau nhôm, năng lượng tái tạo và phát triển thương mại, dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch. Tận dụng lợi thế để hình thành liên kết vùng và liên kết khu vực trong phát triển kinh tế - xã hội.

Căn cứ Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đề ra định hướng, mục tiêu chiến lược, xác định các động lực, nguồn lực phát triển của địa phương để bảo đảm cho sự phát triển đồng bộ, thống nhất, khai thác nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm cho phát triển bền vững.

1.6. Tăng cường quản lý thu, chi ngân sách nhà nước:

Phấn đấu hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024 ở mức cao nhất để bảo đảm nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước; quản lý chặt chẽ thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, khai thác nguồn thu còn dư địa, tiềm năng, thực hiện nghiêm Đề án “Tăng cường công tác chống thất thu ngân sách giai đoạn 2023 - 2025”. Khai thác hợp lý nguồn thu tiền sử dụng đất để tăng thu ngân sách; đẩy nhanh việc thu tiền sử dụng đất đối với các trường hợp đã bóc thăm tái định cư nhưng chưa nộp tiền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa.

Triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên. Kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế giá trị gia tăng, đẩy mạnh việc xử lý và thu hồi nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng dự toán được duyệt. Rà soát, sắp xếp và phân loại các nhiệm vụ chi theo

thứ tự ưu tiên, bảo đảm nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ cấp bách như khắc phục hỗ trợ thiên tai, dịch bệnh,... Tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị dự toán, chủ tài khoản và chính quyền các cấp trong việc sử dụng ngân sách nhà nước; thực hiện có hiệu quả chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng và công khai, minh bạch tài chính - ngân sách. Tập trung ưu tiên nguồn lực cho chi đầu tư phát triển.

1.7. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách, giải pháp chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, an toàn nguồn nước, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; phát triển nền kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, các-bon thấp.

Thực hiện nghiêm và nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Tập trung xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước; cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, khu, cụm công nghiệp và khu vực nông thôn. Đẩy mạnh hơn nữa chuyển đổi năng lượng ít phát thải các-bon; xây dựng và phát triển ngành công nghiệp năng lượng tái tạo. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, công tác quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

2. Phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội gắn với phát triển kinh tế

2.1. Phát triển văn hóa, thể dục thể thao:

Tập trung chuẩn bị tổ chức tốt các hoạt động Kỷ niệm 20 năm Ngày tái lập tỉnh và kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện trọng đại của đất nước, địa phương bảo đảm trang trọng, ý nghĩa, thiết thực, hiệu quả. Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh; chú trọng xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, xây dựng gia đình, thôn, buôn, bon, tổ dân phố, xã, phường, thị trấn, cơ quan công sở văn hóa.

Quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản, văn hoá dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể; phát huy mạnh mẽ tính đa dạng, độc đáo của bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông. Đẩy mạnh phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, nâng cao thành tích các môn thể thao trọng điểm. Chuẩn bị tốt lực lượng để tham gia các giải thi đấu quốc gia. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị tập luyện thể dục thể thao tại các khu, điểm công cộng để thu hút Nhân dân tham gia tập luyện, xã hội hóa trong lĩnh vực thể dục thể thao.

2.2. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: Tập trung đổi mới, tạo chuyên biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, tạo động lực cho đổi mới và phát triển, trong đó tập trung xây dựng các chính sách về thu hút, trọng dụng nhân tài; đào tạo nhân lực chất lượng cao. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập; bảo đảm công bằng, bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục.

2.3. Bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; chú trọng công tác dân tộc, tôn giáo:

Thực hiện hiệu quả các giải pháp bảo đảm mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo theo hướng tích hợp chính sách thuộc các lĩnh vực khác nhau để không bị chồng chéo, trùng lặp, bảo đảm sự đồng bộ, hiệu quả, gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Tập trung cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, người dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng khó khăn. Tăng cường công tác chăm sóc người có công với cách mạng; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Thực hiện hiệu quả các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”. Nâng cao tỷ lệ bao phủ, hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Đẩy mạnh công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ em, phát triển thanh niên; chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp nâng cao cả về số lượng, chất lượng, quy mô, đa dạng hóa ngành, nghề, trình độ, loại hình đào tạo, hiệu quả sau đào tạo gắn với việc làm, tăng thu nhập, tự tạo việc làm. Thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, giảm nghèo bền vững, cung ứng nguồn nhân lực phục vụ cho các ngành, lĩnh vực trụ cột, đột phá để thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế, an sinh xã hội tại các địa phương.

Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai và thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách hỗ trợ giảm nghèo khác.

2.4. Thực hiện tốt chính sách cho người lao động và giải quyết việc làm: Chú trọng giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường lao động. Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm; tăng tần suất và nâng cao chất lượng hoạt động của các phiên giao dịch việc làm. Thực hiện có hiệu quả các dự án vay vốn giải quyết việc làm, chính sách tín dụng ưu đãi để phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người dân. Thông tin rộng rãi về thị trường lao động xuất khẩu. Kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp thực hiện các chính sách lao động và bảo hiểm. Triển khai kịp thời các gói hỗ trợ của Trung ương cho người lao động theo quy định.

2.5. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý nhà nước về y tế; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân: Nâng cao năng lực dự báo, giám sát và phát hiện, khống chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Bảo đảm đủ, kịp thời thuốc, vật tư y tế tại các bệnh viện công lập; đáp ứng đầy đủ, kịp thời vắc-xin và duy trì tỷ lệ tiêm các loại vắc-xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng. Triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, dự án đầu tư, nâng cao năng lực y tế cơ sở, y tế dự phòng; đẩy mạnh sức khỏe toàn dân, bảo đảm an ninh, an toàn tại các cơ sở y tế. Xây dựng cơ chế, chính sách tài chính y tế để thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công tư trong lĩnh vực y tế, tạo điều kiện để y tế tư nhân phát triển. Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc. Thúc đẩy triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số y tế trên phạm vi toàn tỉnh.

2.6. Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số:

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác với các viện nghiên cứu, các trường đại học. Tập trung nghiên cứu về ba trụ cột kinh tế của tỉnh là: Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát triển du lịch gắn với công viên địa chất toàn cầu; công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch. Xây dựng đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, mã vạch, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận chất lượng cho sản phẩm hàng hóa.

Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông năm 2024. Đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ toàn trình đối với các thủ tục hành chính đủ điều kiện; thúc đẩy các ứng dụng số, nền tảng số trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, triển khai quyết liệt, hiệu quả Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

2.7. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực; công tác cải cách hành chính; giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí:

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, kiện toàn và nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa liên thông, nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình bảo đảm thực chất, hiệu quả. Thực hiện quyết liệt việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan, đơn vị và sắp xếp tổ chức bộ máy đơn vị sự nghiệp công lập”.

Đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, hoàn thiện mô hình chế độ công vụ theo hướng năng động, linh hoạt, hiệu quả, thực tài để xây dựng môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp, văn minh, hiện đại; hoàn thiện chế độ, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài và quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; nâng cao đạo đức công vụ và kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cá thể hoá trách nhiệm đến từng công chức trong thực thi công vụ.

Tiếp tục phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Triển khai đồng bộ, có hiệu quả quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng, bảo đảm đúng pháp luật. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân định kỳ theo quy định, đẩy nhanh tiến độ điều tra, xử lý dứt điểm các vụ án, vụ việc vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài.

3. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

Chủ động, nhạy bén, nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo, tham mưu chủ trương, đối sách xử lý thắng lợi các tình huống về quân sự, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Tiếp tục xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng khu vực phòng thủ các cấp vững chắc. Thực hiện tốt chủ trương kết hợp quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng. Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu ở các cấp theo quy định; quản lý chặt chẽ vùng trời, biên giới, nội địa, không gian mạng, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức Đại hội thi đua quyết thắng các cấp; bảo đảm an ninh, an toàn trong các dịp tổ chức hoạt động kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, 35 năm ngày Quốc phòng toàn dân; 20 năm Ngày tái lập tỉnh Đắk Nông và các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, địa phương.

Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo vệ an ninh quốc gia trên các lĩnh vực; giữ vững ổn định chính trị, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để xảy ra “điểm nóng” về an ninh, trật tự; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, hạn chế phát sinh điều kiện xảy ra tội phạm; quyết liệt đấu tranh với các loại tội phạm, kéo giảm tội phạm về trật tự xã hội; đấu tranh hiệu quả với tội phạm về kinh tế, ma túy, môi trường, tội phạm sử dụng công nghệ cao. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phòng, chống cháy, nổ, kéo giảm tai nạn giao thông, tạo môi trường an toàn, thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an tỉnh Đắk Nông thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thực hiện tốt đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại với tỉnh Mondulkiri, Vương quốc Campuchia, góp phần làm sâu sắc hơn quan hệ song phương, gia tăng tin cậy chính trị, đan xen lợi ích.

4. Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội

Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông tuyên truyền nâng cao hiệu quả và sự đồng thuận của người dân, chú trọng và tập trung công tác truyền thông chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh

Tuyên truyền các mô hình hay, gương người tốt việc tốt, cách làm mới và hiệu quả, góp phần truyền cảm hứng, tạo niềm tin cho người dân, doanh nghiệp. Kịp thời phản bác, chấn chỉnh, đấu tranh với các luận điệu sai trái; triệt phá, dỡ bỏ các thông tin xấu, không đúng sự thật; từng bước tạo văn hóa số trên môi trường mạng. Tăng cường và đổi mới công tác quản lý báo chí, xây dựng đội ngũ nhân lực báo chí chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại.

Nâng cao hiệu quả công tác dân vận phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Trên cơ sở những mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đã đề ra trong Kế hoạch này; UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa tập trung thực hiện các nhiệm vụ như sau:

1. Thống nhất quán triệt phương châm, trọng tâm chỉ đạo điều hành, mục tiêu, chỉ tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả và toàn diện hơn các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Kế hoạch này để triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ; các chỉ đạo của Chính phủ về yêu cầu, nhiệm vụ triển khai Kết luận của Lãnh đạo chủ chốt hàng tháng và triển khai Nghị quyết của Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6, khóa XV; các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 28-NQ/TU của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 46/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và Kết luận số 614-KL/TU ngày 30/12/2023 của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 14, khóa XII.

(chi tiết các nhiệm vụ tại Phụ lục 1, 2 kèm theo)

2. Trên cơ sở nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện của ngành, địa phương mình, cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp với ngành, đơn vị, địa phương mình, xác định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, biện pháp cụ thể. Hoàn thành trước ngày **16/02/2024** gửi về UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để theo dõi.

3. Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện, kiểm tra, theo dõi, giám sát để đánh giá kết quả thực hiện, đảm bảo hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

4. Định kỳ trước ngày 17 tháng cuối quý, các đơn vị, địa phương báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tại các phiên họp thường kỳ và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để tạo đồng thuận xã hội, huy động cả hệ thống chính trị tích cực tham gia vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

6. Đề nghị các cơ quan thông tấn, báo chí Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh quan tâm tuyên truyền, giám sát, phản ánh tình hình thực hiện Kế hoạch này của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

7. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch này. Định kỳ trước ngày 20 hàng tháng và ngày 20 tháng cuối quý, tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn

phòng Chính phủ theo quy định. Kịp thời đề xuất UBND tỉnh giải quyết những vấn đề vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền.

8. Giao Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh theo dõi kết quả thực hiện Kế hoạch này, làm cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2024 của các cơ quan, đơn vị.

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc phát sinh, kịp thời báo cáo, đề xuất về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xử lý theo đúng quy định. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh,
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Đắk Nông, Cổng TTĐT;
- Các phòng, đơn vị thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT ©.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Văn Mười

Phụ lục I

GIAO NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số **82** /KH-UBND ngày **02** /**02**/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|--|--|-------------------------------------|--|------------------------------------|----------------------|
| Nhóm nhiệm vụ: Phần đầu đạt cao các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2024. Phần đầu thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của HĐND tỉnh | | | | | |
| 1 | Tăng trưởng kinh tế đạt 6,55%, trong đó: KV1 tăng 5,3%, KV2 tăng 7,45%, KV3 tăng 7,46%, Thuế trừ trợ cấp sản phẩm tăng 5,64%; GRDP bình quân đầu người đạt 68,85 triệu đồng. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tất cả các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 2 | Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt trên 20.000 tỷ đồng | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 3 | Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 3.300 tỷ đồng trở lên; chi ngân sách địa phương 8.985 tỷ đồng | Sở Tài chính | Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước, UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 4 | Tỉ lệ nhựa hóa chung đường toàn tỉnh đạt 72% | Sở Giao thông vận tải | UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 5 | Tỉ lệ đô thị hóa 29% | Sở Xây dựng | UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 6 | Tỉ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch đạt 100% | Sở Xây dựng | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 7 | Bình quân m2 sàn xây dựng nhà ở tính trên một người dân đạt 26m2 | Sở Xây dựng | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 8 | Tỉ lệ thu gom rác thải đô thị đạt 100% | Sở Tài Nguyên và Môi trường | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 9 | Xây dựng nhà tình nghĩa, nhà người có công từ quỹ đền ơn đáp nghĩa | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 10 | Tỉ lệ hộ được sử dụng điện 99,2% | Sở Công Thương | Công ty Điện lực Đắk Nông; UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 11 | Tỉ lệ bon, buôn có điện đạt 100% | Sở Công Thương | Công ty Điện lực Đắk Nông; UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |

| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|---|--|---|------------------------------------|----------------------|
| 12 | Tỉ lệ đảm bảo nước tưới cho diện tích cần tưới đạt 84% | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 13 | Tỉ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh 94% | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 14 | Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn đạt 23.553 tỷ đồng | Sở Công Thương | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 15 | Doanh thu du lịch tăng bình quân hàng năm 20% | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 16 | Số khách du lịch tăng bình quân hàng năm 20% | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 17 | Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn đạt 1.012 triệu USD | Sở Công Thương | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 18 | Kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn đạt 300 triệu USD | Sở Công Thương | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 19 | Giá trị sản. xuất bình quân trên 01 ha đất nông nghiệp đạt 105 triệu đồng | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 20 | Diện tích nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến (CNC) lũy kế đạt 3.500 ha | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 21 | Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 9% | Sở Công Thương | UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 22 | Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tăng từ 1-2 bậc | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |

| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|--|-------------------------------------|--|------------------------------------|----------------------|
| 23 | Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) nhóm trung bình trở lên | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 24 | Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) tăng 01 bậc trở lên | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 25 | Số lao động được tạo việc làm đạt 18.300 lượt người; Đào tạo nghề cho 4.000 người. | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 26 | Tỉ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt 15,5% | Bảo hiểm xã hội tỉnh | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 27 | Tỉ lệ hộ nghèo giảm từ 2% trở lên; Tỉ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 4% trở lên | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 28 | Phấn đấu đạt mức sinh (số con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) đạt 2,37 con/phụ nữ | Sở Y tế | UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 29 | Đạt 20,6 giường bệnh/vạn dân; đạt 8,7 bác sỹ/vạn dân | Sở Y tế; Bảo hiểm xã hội tỉnh | Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 30 | Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 93,75% | Bảo hiểm xã hội tỉnh | Sở Y tế, UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 31 | Tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi 26,4% | Sở Y tế | UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 32 | Tỉ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em đạt tối thiểu từ 95% trở lên | Sở Y tế | UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 33 | Công nhận thêm 10 trường đạt chuẩn quốc gia. | Sở Giáo dục và Đào tạo | UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |

| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|--|--|---------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 34 | Tỉ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa đạt 88,2%; Tỉ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, phường, thị trấn văn minh đô thị đạt 63,5%; Tỉ lệ thôn, bon, buôn văn hóa đạt 94,5%; Tỉ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa đạt 96,1%. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 35 | Tỉ lệ che phủ rừng đạt 39,5%; Trồng mới 2.000 ha rừng. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 36 | Tỉ lệ xử lý chất thải rắn thông thường 70% | Sở Tài Nguyên và Môi trường | UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 37 | Tỉ lệ xử lý chất thải rắn y tế, độc hại 90% | Sở Tài Nguyên và Môi trường | UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |
| 38 | Tăng thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới; Bình quân mỗi xã đạt 17 tiêu chí trở lên; Tăng thêm 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện, thành phố | Kết quả thống kê, báo cáo cuối năm | Quý IV/2024 |

Phụ lục II

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Kế hoạch số 82 /KH-UBND ngày 02 / 02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|----------|---|-----------------|---|---|----------------------|
| I | Nhóm nhiệm vụ về ưu tiên phát triển kinh tế - hạ tầng | | | | |
| 1 | Phát triển công nghiệp | | | | |
| 1.1 | Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nội dung theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về phát triển công nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Kế hoạch triển khai/báo cáo kết quả thực hiện | Quý IV/2024 |
| 1.2 | Kế hoạch phát triển ngành công nghiệp bô xít - alumin - nhôm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Kế hoạch được ban hành | Quý I/2024 |
| 1.3 | Tập trung phát triển công nghiệp alumin, điện phân nhôm và năng lượng tái tạo; Tiếp tục rà soát các tồn đọng, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện thuận lợi cho việc ổn định sản xuất của Nhà máy alumin Nhân Cơ; Nhà máy điện phân nhôm sớm hoàn thành và đi vào hoạt động đạt công suất theo thiết kế giai đoạn I. | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Văn bản triển khai/Báo cáo kết quả thực hiện | Thường xuyên |
| 1.4 | Phát triển thương mại điện tử, kinh tế số, dịch vụ không tiếp xúc trên toàn tỉnh. Phối hợp tăng cường công tác quản lý thị trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đấu tranh phòng, chống các hành vi gian lận thương mại. | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Kế hoạch triển khai/báo cáo kết quả thực hiện | Quý II/2024 |
| 1.5 | Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại của tỉnh bằng cả hai hình thức (trực tuyến và trực tiếp), trong đó tập trung vào xúc tiến thương mại các mặt hàng chủ lực của địa phương. Tiếp tục triển khai kế hoạch về hội nhập quốc tế; nâng cao năng lực phòng vệ thương mại để bảo vệ sản xuất và lợi ích người tiêu dùng phù hợp với các cam kết quốc tế. | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Kế hoạch triển khai/báo cáo kết quả thực hiện | Quý II/2024 |
| 1.6 | Phát triển mạnh công nghiệp nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm sản, sản xuất thiết bị, vật tư nông nghiệp; đầu tư phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề. Tập trung, ưu tiên đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghiệp, dịch vụ, hình thành mạng lưới lưu thông, bảo quản, chế biến, thương mại điện tử ở nông thôn. | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Kế hoạch triển khai/báo cáo kết quả thực hiện | Quý II/2024 |

| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|--|--|---|---------------------------------------|-----------------------|
| 2 | Phát triển nông nghiệp và nông thôn | | | | |
| 2.1 | Tham mưu giao kế hoạch phát triển rừng năm 2024 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Quyết định của UBND tỉnh | Tháng 02/2024 |
| 2.2 | Sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 12- NQ/TU ngày 16/12/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Báo cáo của Ban cán sự đảng UBND tỉnh | Quý I/2024 |
| 2.3 | “Sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 06- NQ/TU ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy về quản lý, bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững; nâng cao tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Báo cáo sơ kết | Quý I/2024 |
| 2.4 | Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Nghị quyết của HĐND tỉnh | Tháng 6/2024 |
| 2.5 | Xây dựng Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Nghị quyết của HĐND tỉnh | Tháng 12/2024 |
| 2.6 | Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của HĐND tỉnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của HĐND tỉnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Nghị quyết của HĐND tỉnh | Tháng 12/2024 |
| 2.7 | Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2025 trên địa bàn tỉnh | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Kế hoạch UBND tỉnh | Tháng 12/2024 |
| 2.8 | Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện thành phố | Báo cáo kết quả thực hiện | Thường xuyên, Định kỳ |

| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|----------|--|--|--|--|--|
| 2.9 | Xây dựng bản đồ số hóa quản lý trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản phục vụ dự án nền tảng dữ liệu số ngành nông nghiệp | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện thành phố | Quyết định phê duyệt kết quả của UBND tỉnh | Tháng 12/2024 |
| 2.10 | Triển khai giải pháp tăng cường công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phần đầu nâng tỷ lệ che phủ rừng đạt 39,5 % | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Văn bản triển khai/Báo cáo kết quả thực hiện | Tháng 12/2024 |
| 2.11 | Tổ chức thẩm định và đôn đốc thực hiện kế hoạch giao, cho thuê rừng cấp huyện | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Quyết định của UBND tỉnh/văn bản đôn đốc | Tháng 12/2024 |
| 3 | Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch | | | | |
| 3.1 | Tiếp tục mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng và xây dựng thương hiệu sản phẩm xuất khẩu, chủ động sản xuất, phòng tránh các hàng rào thương mại để phát triển xuất khẩu các mặt hàng chủ lực, mặt hàng mới và thâm nhập thị trường hiệu quả | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Báo cáo/văn bản triển khai | Thường xuyên |
| 3.2 | Thực hiện Kế hoạch xúc tiến thương mại năm 2024 | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Văn bản triển khai/Báo cáo kết quả thực hiện | Thường xuyên |
| 3.3 | Thực hiện hiệu quả Kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu hàng chủ lực tỉnh Đắk Nông giai đoạn đến năm 2025; Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm |
| 3.4 | Kế hoạch triển khai Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong lĩnh vực công thương | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Kế hoạch | Năm 2024 |
| 3.5 | Triển khai hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố | Kế hoạch của UBND tỉnh | Tháng 02/2024 |

| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|----------|---|---------------------------------|--|---|--|
| 3.6 | Tăng cường công tác quản lý các danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử nhất là khu vực Tà Đùng, Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông; nghiên cứu, lồng ghép, định hướng xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù của địa phương, từng bước đưa du lịch trở thành một trong ba trụ cột kinh tế của tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố | Báo cáo định kỳ | Thường xuyên/định kỳ |
| 3.7 | Triển khai thực hiện các hoạt động kỷ niệm 20 năm thành lập tỉnh Đắk Nông (01/01/2004-01/01/2024) theo các kế hoạch đã ban hành | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố | Báo cáo kết quả thực hiện | Quý I/2024 |
| 3.8 | Triển khai Đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ du lịch thông minh tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2023 - 2025”. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố | Văn bản triển khai/Báo cáo kết quả thực hiện | Năm 2024 ban hành kế hoạch |
| 3.9 | Triển khai Đề án phát triển du lịch của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố | Văn bản triển khai/Báo cáo kết quả thực hiện | Quý I/2024 ban hành kế hoạch |
| 4 | Phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh; đẩy mạnh thu hút đầu tư: | | | | |
| 4.1 | Ban hành quy trình hướng dẫn thực hiện các quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư vào tỉnh Đắk Nông | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố | Quyết định của UBND tỉnh | Quý II/2024 |
| 4.2 | Xây dựng Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố | Kế hoạch triển khai/báo cáo kết quả thực hiện | Trước 20/01/2024 |
| 4.3 | Thực hiện hiệu quả các giải pháp của Chính phủ về hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, người dân, tiết giảm chi phí cho sản xuất kinh doanh | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố | Văn bản triển khai/Báo cáo kết quả thực hiện | Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm |

| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|------|--|---|---|--|--|
| 4.4 | Tiếp tục theo dõi, đôn đốc xử lý các vấn đề tồn đọng kéo dài liên quan đến công nợ của các công ty nông lâm nghiệp giải thể, các tồn tại trong lĩnh vực lâm nghiệp, trong quản lý đất đai đối với diện tích các công ty nông lâm nghiệp giao về địa phương quản lý và các vấn đề có liên quan, phát huy hiệu quả nguồn vốn, nguồn lực về đất đai, rừng, tài nguyên và tài sản nhà nước đã đầu tư | Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh | Thường trực HĐGT các công ty, HĐGT các công ty; Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố | Văn bản triển khai/Báo cáo kết quả thực hiện | Hàng tháng |
| 4.5 | Xây dựng kế hoạch sắp xếp, đổi mới các Công ty nông, lâm nghiệp 100% vốn nhà nước do UBND tỉnh Đắk Nông làm chủ sở hữu, Công ty nông lâm nghiệp có vốn nhà nước | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh | Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố; Các DNNN | Chương trình/ Kế hoạch | Tháng 12/2024 (sau khi có hướng dẫn của trung ương) |
| 4.6 | Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư các dự án vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố | Báo cáo kết quả thực hiện | Quý III/2024 |
| 4.7 | Xây dựng và thực hiện hiệu quả đề án công tác đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ngành, huyện (DDCI) năm 2024 | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Báo cáo/Kế hoạch | Quý I/2024 |
| 4.8 | Triển khai Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh năm 2024 và xây dựng Kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC (Par Index) năm 2024 | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành | Kế hoạch/Báo cáo | Theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh. |
| 4.9 | Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch Nâng cao Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công (Chỉ số PAPI) tỉnh Đắk Nông năm 2024 | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành | Kế hoạch/Kết quả PAPI | Quý III/2024; Thường xuyên/định kỳ |
| 4.10 | Ban hành quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành | Quyết định | Quý I/2024 |
| 4.11 | Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ; chú trọng phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực cho phát triển | Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đắk Nông | Các Tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh | Báo cáo | Thường xuyên/định kỳ |

| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|----------|--|---|---|---------------------------------|---|
| 4.12 | Tăng cường đẩy mạnh ứng dụng số; triển khai dịch vụ công trực tuyến vào xử lý hồ sơ, công việc cho người dân, doanh nghiệp | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Thường xuyên/định kỳ |
| 4.13 | Tăng cường hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư dự án | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Thường xuyên/định kỳ |
| 4.14 | Chủ động bám sát, cùng các bộ ngành Trung ương tháo gỡ các khó khăn để sớm triển khai thực hiện và phát huy hiệu quả các dự án lớn trên địa bàn tỉnh như: dự án Khu Công nghiệp Nhân Cơ 2, dự án điện phân nhôm Đắc Nông, các dự án điện gió, điện năng lượng... | Các Sở: Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Thường xuyên |
| 4.15 | Tiếp tục đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá tiềm năng, hình ảnh của Đắc Nông đến các nhà đầu tư trong và ngoài nước, trong đó chú trọng đến tiềm năng về phát triển ngành công nghiệp khai thác, chế biến bauxite, sản xuất alumin, điện phân nhôm, sau nhôm, năng lượng tái tạo và phát triển thương mại-dịch vụ, Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Thường xuyên/định kỳ |
| 5 | Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển; triển khai quy hoạch tỉnh | | | | |
| 5.1 | Tập trung phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và tỉnh Bình Phước để thúc đẩy, sớm triển khai thực hiện dự án Đường cao tốc đoạn Gia Nghĩa (Đắc Nông) - Chơn Thành (Bình Phước); cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ qua địa bàn tỉnh theo quy hoạch được phê duyệt. | Sở Giao thông vận tải | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | Văn bản triển khai/Báo cáo | Thường xuyên |
| 5.2 | Đẩy nhanh tiến độ dự án Quảng trường Trung tâm thành phố Gia Nghĩa; Nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh, dự án Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê (giai đoạn 2), nâng cấp, cải tạo Tỉnh lộ 2, 3, 5, dự án Dự án Trường cao đẳng cộng đồng (Giai đoạn 2); Dự án Hồ Gia Nghĩa.... | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | Các chủ đầu tư; UBND các huyện, thành phố | Báo cáo tiến độ thực hiện dự án | Thường xuyên |
| 5.3 | Công bố Quy hoạch tỉnh tỉnh Đắc Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và thực hiện rà soát hồ sơ Quy hoạch | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | Kế hoạch | Quý I/2024 |
| 5.4 | Kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh Đắc Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | Kế hoạch | Quý I/2024 UBND tỉnh trình Thủ tướng |

| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|----------|---|--|--|-------------------------------|--|
| 5.5 | Triển khai Quy hoạch vùng Tây Nguyên | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | Chương trình/Kế hoạch | Sau khi Chính phủ phê duyệt quy hoạch |
| 6 | Tăng cường quản lý thu, chi ngân sách nhà nước | | | | |
| 6.1 | Tổ chức thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2024. Thực hiện nghiêm quy định về đầu tư công, các nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên bố trí vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước. Tập trung tháo gỡ các vướng mắc; khẩn trương, quyết liệt, hiệu quả trong công tác chuẩn bị đầu tư, phân bổ và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm |
| 6.2 | Tập trung chỉ đạo quyết liệt để thực hiện nghiêm Luật Quản lý thuế, chống thất thu, chống chuyển giá, trốn thuế, chống gian lận thương mại; đôn đốc thu hồi nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế, phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế giá trị gia tăng, quyết liệt chống gian lận trong hoàn thuế | Cục Thuế tỉnh | Sở Tài chính, các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thành phố | Báo cáo | Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm |
| 6.3 | Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước theo dự toán giao, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định. Tăng cường tiết kiệm chi theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024. | Sở Tài chính | Kho bạc Nhà nước; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố | Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh | Năm 2024 |
| 6.4 | Ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 | Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Quyết định | Quý I/2024 |
| 7 | Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường | | | | |
| 7.1 | Xây dựng Đề án an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước cho địa bàn tỉnh | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố | Quyết định của UBND tỉnh | Tháng 12/2024 |
| 7.2 | Đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắc Nông | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố | Quyết định của UBND tỉnh | Tháng 3/2024 |
| 7.3 | Báo cáo kết quả triển khai Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 27/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII về quản lý, bảo vệ, khai thác hiệu quả tài nguyên khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2025 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố | Báo cáo kết quả thực hiện | Tháng 3/2024 |

| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----------|--|--|--|--|----------------------|
| 7.4 | Tổ chức kiểm tra, đôn đốc UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2024; Hướng dẫn, đôn đốc UBND các huyện, thành phố xây dựng Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, thành phố năm 2025 | Sở Tài nguyên và Môi trường | UBND các huyện, thành phố | Quyết định của UBND tỉnh | Tháng 12/2024 |
| 7.5 | Thực hiện kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh | Sở Tài nguyên và Môi trường | UBND các huyện, thành phố | Quyết định của UBND tỉnh | Quý III/2024 |
| 7.6 | Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phát triển rừng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | báo cáo kết quả thực hiện | Tháng 02/2024 |
| 7.7 | Tham mưu ban hành Nghị quyết của Tỉnh ủy Đắk Nông về phát triển đô thị Đắk Nông đến năm 2030. | Sở Xây dựng | Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố | Nghị quyết của Tỉnh ủy | Quý III/2024 |
| 7.8 | Tham mưu ban hành Chương trình phát triển đô thị tỉnh Đắk Nông | Sở Xây dựng | Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố | Quyết định của UBND tỉnh | Quý IV/2024 |
| 7.9 | Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Gia Nghĩa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 | Sở Xây dựng | Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố | Quyết định của UBND tỉnh | Quý IV/2024 |
| II | Phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội gắn với phát triển kinh tế | | | | |
| 1 | Phát triển văn hóa, thể dục thể thao | | | | |
| 1.1 | Quy định về tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố | Quyết định | Quý II/2024 |
| 1.2 | Triển khai thực hiện các chương trình về xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh; xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, xây dựng gia đình, làng, bản, xã, phường, cơ quan công sở văn hoá | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố | Văn bản triển khai/Báo cáo kết quả thực hiện | Quý I/2024 |

| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|----------|---|---------------------------------|--|--------------------------------------|--|
| 1.3 | “Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, phát huy mạnh mẽ tính đa dạng, độc đáo của bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông. Triển khai nhân rộng các mô hình điểm về phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Chuẩn bị và tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm các ngày Lễ lớn” | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Báo cáo kết quả thực hiện | Năm 2024 |
| 1.4 | Tổ chức và tham dự các hội thao, giải thi đấu theo kế hoạch, phấn đấu đạt thành tích cao | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Hoạt động/báo cáo | Theo kế hoạch năm 2023 |
| 2 | Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực | | | | |
| 2.1 | Chương trình đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố | Văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện | Sau khi Trung ương ban hành Chương trình |
| 2.2 | Quy định về việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong và ngoài nhà trường và các cơ sở giáo dục khác | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố | Văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện | Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định |
| 2.3 | Đề án Tổ chức dạy bơi an toàn, phòng chống đuối nước cho trẻ em, học sinh giai đoạn 2025-2030, định hướng năm 2035 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố | Văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện | Sau khi Chính phủ ban hành Đề án |
| 2.4 | Tập trung đổi mới, tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; thực hiện đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục mầm non tạo nền móng vững chắc cho trẻ mầm non bước vào cấp học phổ thông. Tiếp tục triển khai có hiệu quả và chất lượng Chương trình giáo dục phổ thông 2018; hoàn thiện việc biên soạn Tài liệu giáo dục địa phương các lớp còn lại đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, bảo đảm an toàn trường học; tăng cường công tác y tế trường học, công tác giáo dục thể chất cho học sinh. Đổi mới đánh giá người học; đẩy mạnh công tác kiểm định đảm bảo chất lượng giáo dục. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục. | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Quý II và IV/2024 |

| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|----------|---|-------------------------------------|--|---|--|
| 2.5 | Tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Cơ bản giải quyết trình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ, nhất là trình trạng thiếu giáo viên mầm non, phổ thông; tiếp tục triển khai lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Thường xuyên |
| 2.6 | Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, tạo động lực cho đổi mới và phát triển | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Định kỳ 6 tháng, năm |
| 2.7 | Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho các cơ sở giáo dục; tăng cường kiên cố hóa trường, lớp học ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, khu vực có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Thường xuyên |
| 2.8 | Tiếp tục củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập; thực hiện các chương trình giáo dục thường xuyên đáp ứng yêu cầu học tập đa dạng của người dân, bảo đảm công bằng, bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Thường xuyên |
| 2.9 | Sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp nâng cao cả về mặt số lượng, chất lượng, quy mô, đa dạng hóa ngành, nghề, trình độ, loại hình đào tạo, hiệu quả sau đào tạo gắn với việc làm, tăng thu nhập, tự tạo việc làm | Sở Lao động - Thương binh | Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố | Kế hoạch triển khai/báo cáo kết quả thực hiện | Quý IV/2023 |
| 2.10 | Tăng cường công tác truyền thông giáo dục nghề nghiệp, đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đảm bảo cung ứng nguồn nhân lực có tay nghề cao, đạt chuẩn về chất lượng kỹ năng nghề để phát triển thị trường lao động | Sở Lao động - Thương binh | Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố | Kế hoạch triển khai/báo cáo kết quả thực hiện | Thường xuyên/ Định kỳ |
| 3 | Bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; chú trọng công tác dân tộc, tôn giáo | | | | |
| 3.1 | Quy định về đối tượng, điều kiện, tiêu chí ưu tiên, hình thức xét duyệt đối tượng mua, thuê nhà xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | Sở Xây dựng | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Quyết định | Tháng 5/2024 |
| 3.2 | Triển khai Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, các Chương trình, kế hoạch đề án về bình đẳng giới và phòng, chống bạo trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm |

| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|----------|--|-------------------------------------|--|--|--|
| 3.3 | Tổ chức thăm hỏi, động viên trong các dịp lễ tết đối với người có công, gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố | Báo cáo kết quả thực hiện | Theo kế hoạch của UBND tỉnh |
| 3.4 | Triển khai Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2021-2030, các Chương trình, kế hoạch đề án về bảo vệ, chăm sóc, trợ giúp trẻ em giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm |
| 4 | Thực hiện tốt chính sách cho người lao động và giải quyết việc làm | | | | |
| 4.1 | Tăng cường thanh tra đột xuất, thanh tra chuyên ngành, liên ngành đối với các đơn vị nợ dài hạn, nợ đọng, đồng thời báo cáo UBND tỉnh đối với các đơn vị nợ dài hạn không có khả năng đóng nộp sau khi BHXH tỉnh đã thực hiện các bước thanh tra, kiểm tra nhưng không có kết quả. Bảo hiểm xã hội tỉnh Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan | Bảo hiểm xã hội tỉnh | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan | Kế hoạch/Báo cáo | Thường xuyên/định kỳ |
| 4.2 | Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển người tham gia; đôn đốc thu, giảm tiền chậm đóng; giải quyết, chi trả kịp thời, đầy đủ các quyền lợi về BHXH, BHYT, BHTN; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đột xuất; kịp thời xử lý các hành vi vi phạm | Bảo hiểm xã hội tỉnh | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan | Văn bản triển khai/Báo cáo kết quả thực hiện | Thường xuyên/định kỳ |
| 4.3 | Nâng cao chất lượng và đẩy mạnh công tác truyền thông về công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài | Sở Lao động - Thương binh | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Văn bản triển khai/Báo cáo | Thường xuyên/định kỳ |
| 4.4 | Nâng cấp, hiện đại hoá Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động, đóng vai trò đầu mối thông tin thị trường lao động của tỉnh. Nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, hiệu quả của các Phiên giao dịch | Sở Lao động - Thương binh | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Văn bản triển khai/Báo cáo | Thường xuyên/định kỳ |
| 5 | Tiếp tục đổi mới công tác quản lý nhà nước về y tế; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân | | | | |
| 5.1 | Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh. Bảo đảm đủ, kịp thời thuốc, vật tư y tế tại các bệnh viện công lập; đáp ứng đầy đủ, kịp thời vắc xin và duy trì tỷ lệ tiêm chủng các loại vắc xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng | Sở Y tế | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|----------|---|------------------------------|---|--------------------------------|-----------------------------|
| 5.2 | Triển khai hiệu quả chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn theo kế hoạch vốn đã được phê duyệt | Sở Y tế | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Năm 2024 |
| 5.3 | Tiếp tục kiểm soát quản lý bền vững dịch bệnh Covid-19 theo Kế hoạch số 764/KH-UBND ngày 21/11/2023 và các dịch bệnh mới phát sinh | Sở Y tế | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Thường xuyên |
| 5.4 | Thúc đẩy triển khai chương trình chuyển đổi số y tế trên phạm vi toàn tỉnh theo Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 23/03/2023 thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số Y tế thực hiện Chương trình Chuyển đổi số được UBND tỉnh phê duyệt | Sở Y tế | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Kế hoạch/Báo cáo | Thường xuyên |
| 6 | Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số | | | | |
| 6.1 | Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Thường xuyên/định kỳ |
| 6.2 | Triển khai, theo dõi và đôn đốc các đơn vị thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 473/KH-UBND ngày 07/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các Sở, ngành; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan | Báo cáo | Thường xuyên/định kỳ |
| 6.3 | Xây dựng và hoàn thiện các văn bản, chính sách nhằm tăng cường quản lý và thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin | Sở Thông tin và Truyền thông | Các Sở, ngành; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan | Các văn bản quản lý hành chính | Theo chương trình, kế hoạch |
| 6.4 | Tiếp tục xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm của chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Chứng nhận | Năm 2024 |
| 7 | Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực; giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí" | | | | |
| 7.1 | Tiếp tục thực hiện tin giãn biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, xác định vị trí việc làm làm cơ sở tinh giản và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Kế hoạch/đề án | Năm 2024 |

| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|---|-----------------|--|------------------|--|
| 7.2 | Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý những người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Quyết định | Quý II/2024 |
| 7.3 | Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập để phát huy tính chủ động, nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực, tài sản, tài chính của Nhà nước, số lượng, chất lượng dịch vụ công | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm |
| 7.4 | Đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường công tác tiếp công dân, kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo cấp cơ sở; nắm bắt tình hình khiếu nại, tố cáo để kịp thời tham mưu xử lý những vụ việc mới phát sinh, không để trở thành điểm nóng gây mất ổn định an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh. | Thanh tra tỉnh | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Công văn/Báo cáo | Thường xuyên/định kỳ |
| 7.5 | Đôn đốc các đơn vị triển khai Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2024 đã phê duyệt, đồng thời triển khai có hiệu quả, kịp thời các cuộc thanh tra đột xuất phục vụ cho công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Thủ trưởng cơ quan hành chính cùng cấp | Thanh tra tỉnh | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Công văn/Báo cáo | Thường xuyên/định kỳ |
| 7.6 | Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc, Công điện số 724/CĐ-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ | Thanh tra tỉnh | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Thường xuyên/định kỳ |
| 7.7 | Tham mưu triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng chống tham nhũng nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi gây phiền hà, sách nhiễu người dân, doanh nghiệp | Thanh tra tỉnh | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Kế hoạch/Báo cáo | Thường xuyên/định kỳ |
| 7.8 | Xây dựng kế hoạch tổ chức các Hội nghị phổ biến, quán triệt các văn bản pháp luật mới cho cán bộ và Nhân dân với nhiều hình thức phong phú và hiệu quả | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Thường xuyên/định kỳ |



| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|------------|---|------------------------------|---|----------------------------|----------------------|
| III | Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại | | | | |
| 1 | Hoàn thành các chỉ tiêu tuyển quân, tổ chức hiệp đồng giao nhận quân năm 2024 | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Năm 2024 |
| 2 | Kế hoạch tổ chức Lễ tiễn công dân lên đường thực hiện NVQS và tham gia Nghĩa vụ CAND năm 2024 | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Công an tỉnh, UBND các huyện, thành phố | Kế hoạch | Tháng 02/2024 |
| 3 | Chỉ đạo, tổ chức diễn tập phòng thủ dân sự cho huyện Krông Nô | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Công an tỉnh, các sở, ban, ngành liên quan | Văn bản chỉ đạo | Tháng 8/2024 |
| 4 | Giảm tỷ lệ tội phạm, đặc biệt là các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm sử dụng công nghệ cao...; giảm các vụ tai nạn giao thông, phòng chống cháy nổ | Công an tỉnh | UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Năm 2024 |
| 5 | Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại với tỉnh Mondulkiri, Vương quốc Campuchia | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Văn bản triển khai/Báo cáo | Năm 2024 |
| IV | Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội | | | | |
| 1 | Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông; Thông tin tuyên truyền nâng cao hiệu quả và sự đồng thuận của người dân, chú trọng và tập trung công tác truyền thông chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước | Sở Thông tin và Truyền thông | Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Đắk Nông; các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh và các cơ quan liên quan | Báo cáo | Thường xuyên |
| 2 | Tuyên truyền, định hướng các mô hình hay, gương người tốt việc tốt, cách làm mới và hiệu quả, góp phần truyền cảm hứng tạo niềm tin cho người dân, doanh nghiệp. Kịp thời phân bác, chấn chỉnh, đấu tranh với các luận điệu sai trái; triệt phá, dỡ bỏ các thông tin xấu, không đúng sự thật; từng bước tạo văn hóa số trên môi trường mạng | Sở Thông tin và Truyền thông | Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Đắk Nông; các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh và các cơ quan liên quan | Văn bản hướng dẫn | Thường xuyên |

| STT | NHIỆM VỤ | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | SẢN PHẨM | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-----|---|---|--|--------------------|-----------------------|
| 3 | Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Báo cáo | Thường xuyên, định kỳ |
| 4 | Phát huy vai trò cầu nối giữa cộng đồng doanh nghiệp và chính quyền địa phương; tuyên truyền các chương trình kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương đến cộng đồng doanh nghiệp; tích cực tham gia phản biện, đóng góp xây dựng cơ chế chính sách, nhất là các chính sách liên quan đến hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, dân doanh | Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ tỉnh | Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố | Văn bản triển khai | Thường xuyên |